

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CUM'GAR
TỈNH ĐẮKLẮK**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 03 - 2020

V/v: “*Không công nhận
quan hệ vợ chồng*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Thắng
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Mạnh và bà Cao Thị Hồng Châu
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cư Mgar
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 03 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 31/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc “không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 19/02/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1982 (có mặt)
 - Bị đơn: chị Thân Thị H, sinh năm 1987 (có mặt)
- Cùng trú tại: thôn A, xã E T, huyện C M, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:

Tôi và chị H được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán sau đó chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn từ năm 2002. Trong quá trình chung sống, tôi và chị H nảy sinh nhiều mâu thuẫn, chị H thường có biểu hiện không chung thủy, tôi đã tha thứ một lần vào năm 2006. Đến năm 2019 chị H lại tiếp tục bỏ đi mà không thông báo cho tôi rõ nguyên nhân bỏ lại con cái để một mình tôi nuôi. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân với chị H không đạt được nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi và chị H không phải là vợ chồng.

Về con chung: Chị H và tôi có 03 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh T sinh ngày 18/05/2003, cháu Nguyễn Quỳnh Tr sinh ngày 11/11/2012 và cháu Nguyễn Đức Th sinh ngày 14/02/2014. Hiện nay các cháu phát triển bình thường, cháu Tr, cháu Tr và

cháu Th hiện đang ở với tôi, các cháu hiện phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, được học hành đầy đủ. Nếu Tòa án giải quyết, tôi đề nghị Tòa án giao cho tôi được quyền nuôi cả 03 con vì tôi có đủ khả năng nuôi dưỡng các cháu. Tôi không yêu cầu chị Hằng phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn chị Thân Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi công nhận thời gian tôi và anh N chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống, vợ chồng tôi nảy sinh nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn phát sinh từ tình cảm giữa hai người, hơn nữa tôi phải chịu nhiều áp lực từ phía chồng và gia đình chồng. Xét thấy tình cảm với anh N không còn, tôi cũng chấp nhận yêu cầu của anh N. Đề nghị Tòa án tuyên bố tôi và anh N không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Tôi và anh Nam có 03 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh T sinh ngày 18/05/2003, cháu Nguyễn Quỳnh Tr sinh ngày 11/11/2012 và cháu Nguyễn Đức Th sinh ngày 14/02/2014. Hiện nay các cháu đang ở trực tiếp với anh N, điều kiện của tôi phải làm ăn xa nên không thể trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng được các cháu. Tôi chấp nhận yêu cầu của anh N về việc nuôi con. Tôi vẫn chu cấp đầy đủ cho các con để các con có điều kiện ăn học và phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần.

- Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án:

- Đối với Thẩm Phán: Đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và thực hiện đúng thời hạn xét xử.

- Đối với Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa: đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Đối với đương sự:

Đối với nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 BLTTDS.

Đối với bị đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

Về nội dung: Căn cứ Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn N; Tuyên bố không công nhận anh Nguyễn Văn N và chị Thân Thị H là vợ chồng. Giao cháu Nguyễn Quỳnh T sinh ngày 18/05/2003, cháu Nguyễn Quỳnh Tr sinh ngày 11/11/2012 và cháu Nguyễn Đức Th sinh ngày 14/02/2014 cho chị anh Nguyễn Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Thân Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Văn N và chị Thân Thị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền Tòa án:

Anh Nguyễn Văn N khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với chị Thân Thị H nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Mgar theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn N và chị Thân Thị H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2002, tuy có đủ đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nhưng anh N và chị H không đăng ký kết hôn nên không phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Trong quá trình chung sống giữa anh Nguyễn Văn N và chị Thân Thị H thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng, đời sống chung không hạnh phúc. Anh N và chị H đều thừa nhận vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn và không thể hàn gắn được nữa và đề nghị Tòa án không công nhận là vợ chồng. Xét yêu cầu không công nhận vợ chồng của anh N là phù hợp với Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu không công nhận anh Nguyễn Văn N và chị Thân Thị H là vợ chồng là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống anh Nguyễn Văn N và chị Thân Thị H có 03 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh T sinh ngày 18/05/2003, cháu Nguyễn Quỳnh Tr sinh ngày 11/11/2012 và cháu Nguyễn Đức Th sinh ngày 14/02/2014, hiện nay đang ở với anh N và anh N có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung và xét nguyện vọng của các cháu và ý kiến của chị H không có nguyện vọng trực tiếp nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy xét nguyện vọng của anh Nguyễn Văn N là chính đáng phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh hiện nay nên giao các cháu Nguyễn Quỳnh T sinh ngày 18/05/2003, cháu Nguyễn Quỳnh Tr sinh ngày 11/11/2012 và cháu Nguyễn Đức Th sinh ngày 14/02/2014 cho anh Nguyễn Văn N để chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn N không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Văn N và chị Thân Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, anh Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 171 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng vào các Điều 9, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn N.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Văn N và chị Thân Thị H là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quỳnh T sinh ngày 18/05/2003, cháu Nguyễn Quỳnh Tr sinh ngày 11/11/2012 và cháu Nguyễn Đức Th sinh ngày 14/02/2014 cho anh Nguyễn Văn N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn N không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết

Chị Thân Thị H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí hôn nhân và gia đình:

Anh Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà anh Nguyễn Văn N đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0004226 ngày 13/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Ngọc Thắng